

MỘT ĐỜI

Thế là hôm nay chúng tôi đã thành *ma* hết cả. Cái lớp tuổi Mậu Dần của chúng tôi tính ra lúc còn sống ở dương gian nó chẳng được sung sướng là bao. Nay nhé vừa chớm bảy tuổi thì đã nhìn thấy người chết đói như rạ vào đầu mùa xuân năm Ất Dậu (1945). Chết nhiều nhất là dân Thái Bình, Nam Định, còn rải rác ít nhiều là Bắc Ninh, Hải Dương, Thanh Hóa... sau này lớn lên đọc Việt Nam sử lược của cụ Trần Trọng Kim thấy cái nạn đói ấy đã cướp đi ngót ba triệu con người. Rồi lại thấy cái máy bay hai mình của đồng minh chao đi đảo lại vãi bom như trấu, lại thấy bọn lính Tàu hàng đàn, hàng lũ kéo nhau trên phố thứ gì cũng cướp thứ gì cũng ăn. Con đường Phủ Doãn là nhà tôi ở vốn dĩ đã vắng hoe nay lại càng hoang vắng tưởng như cái lạnh lẽo ghê người của nhà xác bốc ra phủ kín mặt đường. Mà nào đã chỉ có thế,

tuổi Mậu Dần của tôi còn khoái trí theo mấy thằng bạn bỏ lớp bỏ trường đi bộ diễu hành toát mồ hôi dù đó là mùa thu, giờ tay giờ chân hô theo người lớn mỗi miệng để rồi lúc về nhà lên xuống bếp uống đến chục ly nước vẫn thấy khát nhưng bụng thì lại chẳng thấy đói tí nào. Vui quá quên cả đói, các cụ ta nói có lẽ đúng thật. Sướng nhất là chẳng phải đi học. Trường nào cũng đóng cửa im ỉm. Người ta bảo không thêm học cái bọn thực dân đế quốc nữa, sẽ học cái chữ của nước Việt Nam mới... Cái chữ ấy ra sao, bọn nhóc tụi tôi đâu cần biết tới chỉ biết bây giờ vui quá. Mấy thằng học cùng lớp cứ bảnh mắt ra là lên ra khỏi nhà rủ nhau chạy rong như kéo dây trên phố.

Nhưng rồi cũng phải đi học thôi. Buổi sáng hôm ấy, mẹ tôi sắp xếp tập vở của tôi vào chiếc cặp cũ năm ngoái còn mới rồi bảo tôi:

- Năm nay con đã lên lớp ba rồi, phải cố mà học nghe con.

Tôi cầm tờ năm hào mẹ cho, nhét vội vào túi và lao ra cửa, cùng hai thằng bạn đang đứng chờ nháy như chim sáo trên hè phố quen thuộc. Trời cuối thu, nắng sớm mai vàng dịu trong lớp sương mờ như mơ màng

trên vòm sấu vòm me. Tháp chuông nhà thờ vẫn u buồn trong khoảng trời vắng lặng. Cổng trường bên cạnh vẫn rêu phong cổ kính. Nhưng không khí tựu trường hôm nay có vẻ gì rất khác lạ trong tôi. Vì cái sân trường tiểu học bé bỏng khoảng mười lớp này qua hai năm tôi hầu như nhớ hết mặt các thầy. Thậm chí bọn tôi còn biết thầy lớp nào dữ, thầy lớp nào hiền để mà sung sướng hay sợ hãi khi bước chân vào năm học mới. Thế mà hôm nay một số thầy cũ không thấy có mặt và khi trống trường điểm học sinh xếp hàng dưới sân trước cột cờ, tôi thấy ba anh lớp nhất mới ra trường, đều mặc đồ hướng đạo sinh, nón đội không phải là cái nón chóp có múi, rộng vành nữa mà là ba cái nón chào mào như bọn Tây đội. Một anh đứng giữ dây mắc lá cờ màu đỏ ở giữa có ngôi sao vàng. Hai anh đứng nghiêm trang hai bên, bông hai khẩu súng gỗ như kiểu súng Mút-cơ-tông. Một loại súng mà có lần bố tôi kể nơi Huyện đường của ông nội tôi làm việc mấy bác lính lệ thường cầm gác ở cửa ra vào.

- À, thế là ông lại sa vào cái kiểu khoe khoang thời thượng mà hầu như mấy ông nhà văn, nhà báo, nhà phê bình, thợ vẽ, thợ nhạc, thợ kịch nghĩa là đủ thứ

nhà thứ thợ khi có dịp, có phương tiện là khoe rổi mù con ông nọ cháu bà kia. Nào cụ Tổ, cụ Tông đầu ông Nghè, ông Cống; nào làm Tri phủ, Tổng đốc... nhưng bao giờ cũng phải thêm vào cái đuôi là làm quan thế, cơ ngơi dinh thự thế mà vẫn nghèo, vẫn thương đám dân đen. Chẳng bõ có thời mấy vị này dẫu lý lịch ấy như mèo giấu cứt. Nếu có ông nào không giấu được thì tự kiểm tự phê, đào ông bới cha cả tổ tông nhà mình lên cốt giữ được mạng sống hoặc có tí chức tí quyền để ăn trên ngồi trốc. Ấy cái bọn này mới sợ. Điều là bọn ăn cháo đá bát cả... Ông lại muốn đi với bọn này hay sao?

- Khổ quá tôi đang kể lại thuở ấu thơ mà. Và lại bọn mình đã là ma cả rồi; tôi chết năm trước, ông chết năm sau, dù hai cái chết mỗi người một kiểu, dù tôi chết ở xứ người, ông chết chôn ở quê nhà nhưng đều ở một thế giới sinh hoạt về đêm. Mặc dù trên cõi dương gian cũng có loại người ngày ngủ đêm mới xuất hiện...

- À ông lại muốn đề cập tới bọn đạo chích?

- Gớm ông cứ sinh dùng từ Hán Việt. Tiếng Việt của mình chỉ bọn này rất cụ thể rõ ràng, đây khinh bỉ.

Dùng cái từ Hán Việt ấy nó văn hoa làm giảm cả cái bản chất bỉ ổi của bọn chúng.

- Vâng thì cũng lỗi tại tôi, xa quê lâu quá nên đôi khi quên cả cái hay cái đẹp của ngôn ngữ thâm thúy của nước mình. Vậy thì gọi là...

- Là những bọn ăn cắp.

- Thì cũng chỉ là hạng người quá khổ trong xã hội. Cổ nhân chẳng dạy rằng “bần cùng sinh đạo tặc” là gì. Họ cũng đáng thương, chỉ tiếc là không được giáo dục tốt. Mà đâu chẳng có loại tội phạm tôm tép này. Hay là ông muốn ám chỉ bọn mũ cao áo dài, bọn trí thức “dzôm” ăn cắp tư liệu của nhau, hay là bọn trộm văn trộm nhạc...

- Ông nói trúng phóc. Chính bọn này đã làm mất tiếng tăm “ma” trong thế giới tốt đẹp của chúng ta; khiến chúng ta bị đánh đồng với các từ ma cô, ma bùn khi bọn người ấy đem ra sỉ vả nhau.

- Mà thôi, đó là thế giới của bọn còn sống. Tuổi của bọn mình lúc chết đã ngoài *bảy bó* cả. Người già thì thích kể chuyện xưa. Xin ông kể tiếp thời thơ ấu của ông đi, nghe còn sướng hơn chuyện hiện đại.

- À, thì cái thời đó cũng là thời của ông. Ông tuổi Sửu hơn tôi một tuổi. Tất nhiên cái năm 45 ấy ông cũng còn cấp sách đến trường...

- Nhưng tôi ở Sài Gòn. Nhà tôi nằm trên đường Bùi Chu, cạnh nhà thờ Huyện Sĩ. Tôi học ở Lauret trên phố Duranton, bây giờ gọi là Sương Nguyệt Anh. Suốt từ mồng hai tháng chín đến mồng năm tháng mười cả thành phố cứ sôi lên tiếng súng lớn, tiếng súng con... Gia đình tôi chạy ra miệt Phú Lâm ăn bờ ở bụi đến giữa tháng mười mới trở về.

- Thế là ông sướng hơn tôi. Ông còn được đi học tới nơi tới chốn. Song chắc chắn dạo đó, ông không được vui bằng tôi. Giữa vui và sướng tất nhiên là ông hiểu nó ở hai phạm trù khác nhau. Chúng tôi vui bởi vì từ cái buổi chúng tôi dự buổi lễ chào cờ có hai anh vác súng gõ đứng uy nghiêm thì kể từ đó mỗi chiều thứ bảy hàng tuần, bọn nhóc lớp ba chúng tôi không phải tới nhà Nguyễn đọc kinh nữa. Rồi chiều nào chúng tôi cũng được các anh chị trong khu phố tập hợp lập ra các đội nhi đồng, thiếu nhi cứu quốc. Chẳng có bố mẹ nào cản được chỉ cần nói: "Con đi sinh hoạt" là téch ngay chẳng còn sợ ngay cả cái "lừ mắt" của ông

bố như trước. Nhưng bọn này thấy oai nhất là kẻ từ nay đã trở thành nhi đồng cứu quốc. Lớn làm việc lớn bé làm việc bé phục vụ Tổ quốc như cầm thù đế quốc như theo dõi bọn Việt gian kẻ cả ông bà bố mẹ xem có giấu vàng giấu bạc ở đâu, có liên hệ với nhiều người xa lạ nào không v.v... Bọn tôi bỗng nhiên thấy mình lớn như Phù Đổng. Thế là tôi *đếch* coi bố mẹ tôi ra gì nhưng vẫn phải ăn cơm của bố mẹ, chờ tiền mẹ cho đi học mỗi sáng rồi mới xách cặp đi. Mà thú thật với ông, cả lớp năm ấy làm con tính cộng mấy hàng thì chỉ có vài ba anh làm đúng còn thì đều trặc lác thế mà cuối năm thằng nào cũng được lên lớp bốn cả ông ạ. Hôm nghe đọc danh sách lên lớp. Thằng Cảnh - Con ông Ký Ga - ngồi cùng bàn với tôi, giơ tay xin phát biểu. Nó bảo “- Thưa thầy bạn này - tức tôi - làm toán toàn ăn zêzô, sao cũng được lên lớp ạ”. Thầy mỉm cười hào sảng bảo: “- Không những là em Quang mà còn bao nhiêu bạn nữa như em Quang của lớp ta đều được lên hết. Chủ trương chính sách bây giờ là đọc thông viết thạo đã. Mọi người phải đọc được truyền đơn, thông cáo của chính phủ ban ra. Còn tính toán thì học sau, các em không thấy mấy bà, mấy ông chẳng biết mặt con số hình thù ra sao mà mua bán với nhau

chẳng thiếu một xu”. Nghe thầy giáo giải thích tôi vênh mặt nhìn thẳng Cảnh, ruột gan tôi mát rười rượi. Lúc ra về, tôi rủ mấy thằng dốt như tôi định đến gây sự với thằng Cảnh. Tôi bảo các bạn:

- Nó chê bọn mình dốt mà cũng lên lớp. Bọn mình “thịt” nó đi. Lần sau cấm thằng nào cho nó “mút” kem nữa nghe.

Nhưng thằng Châu có lẽ qua các buổi sinh hoạt thiếu niên nhi đồng cứu quốc giác ngộ sớm. Nó bảo:

- Nhi đồng cứu quốc không được làm bậy. Phải theo dõi nó, xem nó có là Việt gian không đã.

Tôi biết thừa thằng Châu cần là vì thằng này thường được Cảnh mỗi lần mua táo dầm dúi cho vài trái, nên nó bênh nhau.

Nghe tới chuyện ở tuổi ngây thơ đó, Nguyễn Ba tiên sinh lúc lắc những đốt xương cổ để lay động bộ xương sọ của ông rất lớn mà lúc còn sống da đầu được phủ mớ tóc xoắn bồng bênh càng to hơn. Bởi thế ông được gọi là “Ba thông thái”. Tiếng cười lọt qua hàm răng bị gãy mất ba cái do hồi ông bị biệt giam trong lúc người ta hỏi cung đã *xin* ông vài cái làm kỷ

niệm. Nguyễn Ba tiên sinh chết sau tôi một năm; nhưng tôi được chôn ở quê hương nên khỏi phải nghe nheo nheo bên tai “Quê hương là chùm khế ngọt...” như kiểu mấy bài hát, bài thơ chiêu hồi ngày trước. Sở dĩ chúng tôi hồi còn ở trong trại cải tạo X4 khâm phục ông là vì ông là thầy giáo. Chữ tiên sinh cũng hàm nghĩa đó. Và tên ông đã thay đổi cũng lại nằm trong từ đó. Chẳng là ngày đầu nơi tỉnh tôi làm việc được Ủy ban quân quản “truyền loa dây” từ phố lớn đến phố nhỏ rằng: “Ngụy quân ngụy quyền từ cấp... đến cấp...” phải đến trình diện ngày 25 tháng 6 năm 1975 tại... đem theo mười ba ngàn (tiền thời đó). Chúng tôi bị nhốt tại rạp hát Thành Thái của tỉnh, mãi 7 giờ tối mới được lên xe buýt bùng chở đi. Lúc đầu ai cũng biết còn ở thành phố vì nhờ có ánh điện đường le lói rọi vào khe, và âm thanh các bài hát cách mạng hùng tráng theo điệu Marche. Rồi xe đi trong bóng đêm, ngồn ngồn lên cao xuống thấp. Anh nọ hỏi anh kia thì thầm: “Đi đâu nhỉ?”. Chẳng ai biết, kể cả đoán già đoán non. Nhưng đều có chung một câu hỏi lo âu sợ hãi: “Liệu có thoát chết”. Sau những ám ảnh “tội ác của bọn Mỹ ngụy trời không dung đất không tha” để giật mình trong cơn mê sáng. Rồi hơn chín giờ đêm

một đoàn người lữ lượt như ma, bước thấp bước cao vào cổng trại X4 và được lừa như đàn vịt vào dãy nhà tù của chế độ cũ. Nơi đây, giường là các sạp đóng bằng gỗ, một số chiếu đơn nhiều cái đã mủn như bùn. Nơi đây, có lẽ là lần đầu tiên đủ các mặt quan lớn quan bé: nhà binh thì từ chuẩn úy trở lên; dân sự thì từ cấp trưởng phòng. Ban đêm rệp đốt quá. Mấy tháng không có tù, nay được bữa ăn thịnh soạn toàn thịt mới, máu mới nên bọn “nạn nhân người - cỗ thịt người” là đêm liên hoan của chúng. Nhiều vị phải tụt xuống ngồi xồm trên sàn xi măng. Trong bóng đêm của một lán nhà tù gần trăm mạng chỉ thấy khói thuốc mờ mờ; những đốm lửa hình như lóe sáng hơn như để nhất nỗi đau, nuốt cái sợ. Tôi có cái may mắn là làm chung cùng ông Nguyễn Ba và ông Phó “Bắc Kỳ”, người đã kể về thời thơ ấu của mình trong một thị trấn “xôi đậu” - của một tỉnh đèo heo hút gió sát cạnh chiến khu D. Có thể ví nơi ba chúng tôi làm việc thời buổi ấy chẳng khác gì nơi rừng thiêng nước độc nhất các tội đồ, nay lại được ở tù chung với nhau.

Bởi suốt một thời gian dài cùng thuê nhà ở một dãy phố, cùng ăn một quán cơm cho nên trở nên thân

thiết. Song có lẽ đêm ấy là đêm cuối cùng vì sớm hôm sau chúng tôi lại được lệnh xách hết đồ đem theo ra ngôi xếp hàng ở sân tù. Ba chúng tôi vẫn cố ngồi gần nhau. Cuộc gọi tên điểm danh bắt đầu. Có ba nơi để khi đứng dậy hô “có mặt” là lại được cán bộ trại chỉ về một vị trí đã định sẵn. Dưới cái nắng cuối của mùa hè, mưa ào xuống một chút lại nắng bừng bừng, sân tù vẫn im phăng phắc như bị lún xuống bởi những cái mông nhấp nhô, trở những đôi chân đổi thế ngôi cho đỡ mỏi. *Đi về đâu?* Đó là câu hỏi cho những người đã được gọi tên, xếp hàng riêng biệt với những đôi mắt dói ngủ nhìn ra hàng xe cãm-nhông đang đậu phía cuối sân quay đầu ra cổng trại. Và cũng đi về đâu trong tâm trạng bọn người đang khắc khoải chờ đọc tới tên mình. Bỗng trên bàn cán bộ, vang lên tên gọi tiếp theo: “Nguyễn Ba Sinh” - và sân trại không có tiếng hô “có” đáp lại. Lần thứ ba lập lại. Vẫn im. Tôi đập vai Nguyễn Ba bảo: Có lẽ là tên ông đấy. Ông như điện giật, đứng ngay lên nói: “Tôi là Nguyễn Ba chứ không phải Nguyễn Ba Sinh”. Người cán bộ nhìn lại bảng danh sách rồi bảo: Tên anh là Nguyễn Ba à? Người ta đặt tên cho con cái phải có chữ lót như Trần Văn, Nguyễn Văn, sao anh không có văn, thôi đi sang

hàng bên trái ngay. Hóa ra ông cán bộ đã đọc thêm cả từ Sinh ở chỗ “sinh ngày... vào cái tên cho đủ ba từ như ý ông nghĩ. Nghe đâu, sau ngày tù cải tạo trở về, Nguyễn Ba quyết tâm bảo vợ đẻ thêm cho một đứa con và đặt cái tên đủ cả tên họ, tên lót, tên thường gọi để làm kỷ niệm mặc dù thời kỳ ấy, thời kỳ cuối thập niên 70 của thế kỷ trước trẻ con toàn được nuôi bằng nước cháo vì cả nước lấy ngô khoai làm chuẩn. Hạt gạo quý như hạt vàng.

Đang mải mê nhớ tiếc ngày còn sống thì Nguyễn Ba tiên sinh sau tiếng cười vụng dại vì gió lọt vào miệng qua lỗ răng gãy bảo:

- Tuổi nhỏ là tuổi thiên thần mà đã nhuộm màu tục lụy. Thế rồi đời ông sau đó ra sao? Có được học hành gì không mà cũng làm tới Phó quận. Gặp thời thế, tôi nghĩ tương lai ông lên Tri huyện, Tri phủ như chơi.

Tôi chen vào cuộc đối thoại này của hai ông *ma* một thời vang bóng.

- Thì hiện nay ông ấy cũng đang được diêm vương bổ nhiệm làm quản lý một nghĩa trang người Việt

mình tại thành phố Fostoria đấy thôi. Chúc vụ thị trưởng chốn dương gian thì cũng là Tri phủ đấy.

- Kể thế cũng là vinh dự.... Nhưng ông bảo có học hành ra cái quái gì đâu từ thuở ấu thơ.

- Vâng thì như tôi đã kể. Sau cái lớp ba dốt nhất trần gian mà cũng được lên lớp bốn. Song cái năm học độc lập lần thứ nhì ấy vừa bước vào tháng chín thì ông bố bà mẹ tôi chẳng hiểu nghe tin tức truyền miệng ở đâu đưa lại đã cuốn quần, cuốn áo... và một buổi sớm bố tôi bỏ trả lại cái chức thư ký quèn ở Ty bưu điện, lặn lội, đưa mẹ con tôi ra bến xe xuôi vùng Phủ Lý. Tôi chẳng kịp từ giã mấy thằng bạn thân cũng như không báo cáo được gì cho đội nhi đồng cứu quốc của tôi. Từ ga Phủ Lý, đi một thôi đường tắt, vượt qua hai cánh đồng mênh mông cỏ lác là tới nhà bà ngoại tôi. Đó là làng Cao Đà, ngày xưa thuộc Tổng Cao Đà, huyện Nam Xương phủ Lý Nhân tỉnh Hà Nam. Khác với các làng quê bên cạnh, thường trồng cây đa cổ thụ ở đầu làng, quê ngoại tôi, sừng sững ngôi nhà thờ mà đỉnh tháp chuông vượt hẳn lên cao. Cái nhà thờ ấy được xây ngay ở đầu làng, trấn áp cả dãy tre làng xanh tươi mơn mớn ở phía sau.

- Thế là lại bỏ học?

- Ông nói đúng. Xóm trên xóm dưới của làng bà ngoại tôi khi đó chỉ thấy đầy khí thế chiến đấu. Cứ chiều sẫm sẫm tối là cái sân nhà thờ lại nhộn nhịp. Giữa sân là các chị phụ nữ đội khăn vuông đen, sợi dây thừng nhỏ được thắt chèn giữa bụng và hai ống quần cũng được buộc túm lại như túm mắm tôm. Rồi quay phải quay trái, quay trước quay sau theo tiếng hô của một anh du kích. Còn mấy góc sân nhà thờ, trên đám cỏ úa vàng, một đám thanh niên đang múa gậy tre nhào qua nhào lại như làm xiếc dưới mấy ngọn đèn chai tù mù treo móc vào cánh cửa nhà thờ hắt ra. Đến năm bốn bảy khi Pháp vừa nhảy dù vừa đi đường thủy tiến chiếm thành Nam thì lệnh tiêu thổ kháng chiếm ở làng bà tôi càng rục rứa. Một lệnh miệng được đưa ra văng vẳng từ chiếc mo cau vang vang trong ngõ xóm rằng: “Nhà cử Hanh, nhà Chánh Hàm nhà đội Thịnh phải dỡ mái phá gác...” nghĩa là người ta sợ kẻ thù tới sẽ lấy làm nơi đồn trú đóng quân ăn ở. Mẹ tôi ngậm ngùi bảo với dì tôi rằng: “Nhà mình từ xưa đến giờ ăn ở với mọi người có làm điều gì thất đức đâu. Trước kia một điều cụt Cụt, hai điều cụt Cụt

mà bây giờ người ta gọi thầy xác xược như thế”. Cũng may thầy đã mất chứ còn sống thế...”. Di tôi lặng lẽ ra thấp nén nhang trên bàn thờ ông ngoại và chấp tay kính cẩn, miệng lâm râm thì thầm khẩn vái. Chắc hẳn là di tôi đang cầu xin ông ngoại tôi tha thứ cho các cậu tôi đã đi làm việc cho Tây để có của ăn của để rồi đem phá cái nhà tranh vách gỗ này đi, xây lên cái “nhà Tây” này để hôm nay hương án bàn thờ ông tôi bị phơi nắng giữa trời bị “người đời mới” khinh khi mà phần lớn họ lại là con cháu những người làng xóm. Chính bố mẹ họ ngày xưa đối với ông ngoại tôi một lòng quý mến kính cẩn; nhiều khi còn xưng hô quá mức gọi ông tôi một điều quan Cử hai điều quan Cử. Bởi cả Tổng Cao Đà trong khoa thi Canh Tý năm Thành Thái thứ 12 chỉ có ông tôi đậu đạt, đem lại cái vinh dự cho cả xóm làng. Rồi ông tôi được bổ làm tri Huyện Vụ Bản, nhưng chỉ làm quan có hơn năm, ông tôi đã xin nghỉ về cày ruộng cuốc đất...

Thực ra căn nhà ấy có to lớn gì. Cũng chỉ là căn nhà ngói ba gian nhưng được xây tường và hai gian bên làm hai gác lửng để chứa đồ lặt vặt. Nào có phải nhà tây nhà tàu xây lâu như những nhà thành phố.

Song ở cái thời buổi này người ta quan niệm rằng cứ nhà xây có gác là căn nhà Tây hết. Sáng hôm sau các cậu và các dì tôi kẻ dưới người trên lên dỡ ngói thì ngoài nhà thờ đầu làng cũng cuồn cuộn khói bốc lên. Thì ra người ta đang đem rơm rạ vào đốt ở trong nhà thờ... thực hành đúng lệnh “Tiêu thổ kháng chiến, vườn không nhà trống”. Rồi có tin phải tản cư cấp tốc. Tiếng bắt lợn kêu eng éc, tiếng đuổi gà quang quác. Nhà nào nhà ấy mặt mũi hớt ha hớt hải quàng quàng quang gánh bị gậy. Người ngược kẻ xuôi. Bố mẹ tôi và các dì bàn nhau chạy ngược lên làng Bối Cầu là nơi em bà ngoại tôi lấy chồng ở đó. Thật là cứ loanh quanh ở cái tỉnh Hà Nam hết phía nam rồi lại quay về Bắc. Nhưng khi vừa tới cổng làng, chúng tôi đều bị du kích và nam nữ dân quân tự vệ cứu quốc dồn hết vào Đình làng khám xét tra hỏi. Chỉ đến khi có người nhà trong làng ra nhận mới được vào. Nghe đâu đã có hai ba người đang bị cùm phía sau hậu cung. Bảo rằng chạy giặc mà sao trong tay nải của hai người đàn bà lại có hai chiếc gương soi mặt to bằng miệng chiếc chén tống uống trà. Đây là dụng cụ làm hiệu cho máy bay địch tới thả bom chứ chẳng phải là đồ soi gương trang điểm bình thường của mỗi phụ nữ. Còn cái anh

con trai nữa. Mùi xoa, mùi xiếc gì, xưa nay ai thấy ai xài, lại còn có tên tiếng Tây Mouchoir. Trên mặt khăn, lại kẻ vạch xanh vạch đỏ. Nó là cờ tam tài của đế quốc đấy. Nó là gián điệp đấy... Quả thật lúc ấy mới chín tuổi đầu cho đến bây giờ đã là *ma* mà hình ảnh rợn người ngày hôm ấy vẫn hiện lên rõ mồn một trong tôi.

- Hình ảnh nào mà ghê thế hở ông?

- Thì như trên tôi đã nói, ba người bị cùm trong hậu cung đình làng Bối Cầu ấy bị ghép tội là Việt gian.

Khi nghe dân làng gọi nhau ra đình xem xử tử ba người ấy. Tôi nào có hiểu chữ xử tử là gì đâu nên cũng theo người ta đi xem, mặc dù bố mẹ tôi đã cấm, tôi cũng cố lén đi. Chao ôi! Khi đến nơi thì sân đình đã đông nghẹt người. Tôi luôn nách người này, chui háng người kia vào ngồi xồm ngay ở hàng đầu. Phía trước gần kề ao đình làng người ta chôn ba cái cọc, trói giật cánh khỉ cả ba người dựa lưng vào cọc. Người nào cũng được bịt mắt bằng giải khăn đen. Chắc là mảnh khăn vuông trùm đầu của mấy cán bộ phụ nữ đã được cắt ra chia cho ba người. Giữa tiếng ồn ào là tiếng kêu khóc oan khiên của hai người phụ nữ. Mặc

dù có một ông mặc áo nâu lưng đeo súng lục đứng đọc bản án song có ai nghe đâu. Hình như mọi người đều muốn xem ba con người kia có gì khác mình không mà sắp bị lia đời. Rồi hai tiếng súng lục nổ chát chúa, mùi thuốc súng bay ra khét lẹt. Người ta bịt tai nhắm mắt. Đến lúc nhìn lên thì đầu hai người đàn bà đã ngoẹo nghiêng xuống ngực, óc tươi nhuộm máu bắn tung tóe. Có người la lên ngất xỉu. Đám đàn bà con gái yếu bóng vía cúi đầu về phía sau chạy ra khỏi sân đình như ma đuổi. Chỉ có đám đàn ông, con trai là ở lại nhìn cái chết sắp tới của tên Việt gian, vì trong túi dám để cái khăn lau miệng viền chỉ xanh đỏ. Sau tiếng hô “chuẩn bị”, anh Công an nhân dân giờ thanh kiếm Nhật dài có lẽ hơn cả người anh, nghiêng về bên tay phải. Lưỡi kiếm sáng long lanh trong ánh ban mai và khi tiếng “chém” vừa thoát ra thì chiếc cổ người tử tù đã đứt. Một cột máu phun lên như vòi rồng hút nước bắn ra chung quanh, dây cả vào ngực áo người cầm kiếm, mặc dù anh ta đã nhanh nhẹn nhảy ra xa. Dưới sân đình, chiếc đầu lâu tuột khăn bịt mặt để lộ hai con mắt trợn trừng ngược lên nhìn bọn người xử án anh một lúc rồi mới đứng tròn. Thú thực với các ông, dạo đó tôi cũng sợ đến vải đái ra quần vì lúc ra

về tôi thấy cái quần đùi của tôi ướt sũng từ lúc nào không biết. So cái cảnh chém người này với truyện “chém treo ngành” của ông Nguyễn Tuân viết tôi thấy chẳng có gì rùng rợn oan khiên bằng cái mạng người thời ly loạn. Chỉ cần một người buộc tội rồi trăm cái miệng hô theo. Chẳng cần đen trắng ra sao thế là thành tội. Đó là các tòa án dị giáo của bọn đế quốc công giáo La Mã. Đó là miệng lưỡi của bọn đế quốc phong kiến phương Bắc, ghép người man di dị tộc. Truyền truyền kiếp kiếp đời đời nó đem dạy đám chân tay xuẩn ngốc vô lương gieo rắc nỗi kinh hoàng như thuở bán khai.

- Nay ông, hình như cái đầu lâu lăn long lóc ấy đang quấy động tim ông khiến ông mê muội? Lắm nhảm chuyện ngày xưa.

- Vâng thì có xưa mới có nay. Lịch sử là một dòng chảy không ngừng nhào nặn nên bao kẻ anh hùng nhưng cũng phơi bày ra bao bộ mặt lưu manh đều cáng. Chỉ tiếc thời bọn mình sinh ra và lớn lên cho đến bây giờ đã là *ma* mà chẳng thấy một kẻ viết sử nào như Tư Mã Thiên.

- Thì ông cũng đang “đọc” sử đấy thôi. Mỗi thân

phận của con người trong cùng một bối cảnh sống đã tạo nên một phần nào bộ mặt lịch sử ở giai đoạn đó. Nếu đem tổng hợp lại thì nó là lịch sử đầy ông ạ.

Ông đang là ma mà ma thì chỉ có đọc thôi. Vì có ai đem đốt giấy trắng mực đen cho người chết đâu, chỉ đốt vàng mã, giấy bạc tờ tiền cho ông tiêu hỏi ông lấy gì để viết. Bằng chứng là sau khi đọc “Liêu trai chí dị” của Bồ Tùng Linh, nhà thơ Vương Sĩ Trinh đã viết đề từ trong đó có câu “Ái thính thu phần quý xướng thi” là gì. Cụ Tản Đà nước mình dịch “thơ thần nghe ma đọc mấy lời” là quá đúng. Đêm hôm khuya khoắt, lại lún phún mưa rơi trên dàn bí dàn bầu kể ra đã lạnh lẽo thê lương thế mà bỗng đâu nỉ non lời đau đớn u sầu vọng lên từ mồ hoang cỏ lạnh thì dù lòng gan dạ sắt đến đâu, giết người như ngóe tới đâu cũng dựng tóc gáy khác gì ông xem cảnh chém người trong thuở ấu thơ. Rồi từ ngày đó ông đi đâu?

Thì lang thang theo bố mẹ tôi chạy quần chạy quanh. Khi tôi nghe thấy mẹ tôi thì thầm bảo với bố tôi không còn gì để bán mà mua gạo chạy theo “cuộc trường chinh” này nữa. Bố tôi ngồi lặng im, nhìn trước nhìn sau rồi nói nhỏ với mẹ tôi. Tiếc

rằng tôi nằm xa quá không nghe rõ. Lời dặn dò của chị phụ trách đạo học lớp ba như một quán tính bò sâu trong tiềm thức khiến sau này lớn lên nhiều khi tôi thấy mình như một kẻ lưu manh. Rồi gia đình tôi cũng lần mò về căn phố xưa trên đường Phủ Doãn. Tôi lại xin vào học lớp nhì nơi trường cũ. Mười ba tuổi, lớn tồng ngồng nên được xếp ngồi cuối lớp. Cha Hiệu trưởng đã mất. Bây giờ là một cha trẻ. Mấy thằng bạn học lớp ba với tôi ngày xưa không tản cư, giờ bọn nó lên trung học cả rồi. Có thằng học quá giỏi thi đậu vào Albert Sarraut, nói tiếng Pháp như gió. Bọn nó cũng như ông học ở Chasseloup - Laubat đấy. Tôi mỉm cười định thêm vào cho vui rằng: “Mai mốt lại đi làm bồi cho đế quốc”. Song phải dừng lại ngay vì trên bộ mặt Nguyễn Ba tiên sinh hình như có đôi dòng lệ đang rĩ rả chảy ra từ hai hố mắt sâu thẳm. Chắc ông đang nhớ tới trường xưa bạn cũ; nhớ tới ngôi trường rộng mênh mông bốn phía là bốn mặt đường và sân trường phượng vĩ rải tia nắng đậm nhạt những ngày hè. Cổng trường nhìn ra mặt đường cùng tên, đối diện với vườn của dinh Norodom. Ông có những kỷ niệm tròn đầy cho đến ngày đi làm, đi tù.

Còn tôi, cái gì cũng đứt quãng dở dang. Nhưng thưa ông, thưa “Nguyễn Ba Sinh” tiên sinh nghe đầu học cải tạo về sớm lắm cơ mà. Rồi ông lại còn được cho tiếp tục đi dạy. Thế sao ông bảo phải đi tù những năm năm. Mà năm năm lại biệt giam không được như bọn tôi: “Tinh thần ở trong lao, cơ thể ngoài sản xuất”. Bọn tôi có đầy khí trời để thở”. Kìa cái ông tóc bạc cứng như rễ tre cháy xém vàng vùng quê sông nước miền Tây đang khật khờ bên ly rượu con cháu mới cúng đầy, ông có nhớ ông ấy không? Tôi mười năm. Ông ấy an ninh quân đội, làm quan mới bốn năm mà đi tù tám năm chẳng bỏ cơm cháo học hành.

Thú thực tôi đâu có ngờ. Năm bảy sáu được cho đi dạy mừng hết lớn. Nhưng cũng tại ông, ông Phó ạ. Bởi chính tay ông, ông đã đồng ý cho trường tôi mua miếng đất nằm sát bên phải Quận đường để trồng mỳ. Cái tham vọng của tôi là học sinh vừa học vừa lao động sản xuất vài năm. Hội phụ huynh sẽ có một số tiền lớn. Rồi mua đất xây dựng ký túc xá ở Sài Gòn cho các em ở quê có điều kiện theo học đại học lên đó ở. Cũng chính ông “cầu kết” với đám “dân sự vụ” Úc đạo ấy xây cho cái trường của tôi trước bằng nắm tay

mà sau trở thành cả cơ ngơi có phòng thí nghiệm, có thư viện. Sau đó cái đám Úc này còn đề xuất xin được mỗi tuần một giờ đến dạy học sinh luyện nói tiếng bản ngữ. Thú thực với ông, tôi mừng hết lớn, vì mấy Giáo sư Anh văn của mình tuy học ở Đại học ra xong toàn được các thầy Anamít mình dạy đọc tiếng Anh pha giọng Pháp.

- Tôi thấy tốt quá có gì đâu. Rồi thời gian đi tù ở miền LaoKay, Thái Nguyên tôi thấy có các trường vừa học vừa làm - sáng học, chiều đi trồng cây trồng cỏ. Ông đã đem cái giáo dục XHCH đi trước vào miền Nam, đáng nhẽ được tuyên dương chứ sao lại bảo tại tôi?

- Nếu được thế thì đời tôi đâu có khổ nạn năm năm.

- Ngắn gọn là vào tù. Mà tại sao do tôi?

- Do ông, vì tôi bị buộc tội liên hệ Đế quốc thâm độc xây trường. Lại cho học sinh tiếp xúc giao tiếp với đế quốc. Lại mượn cố trồng trọt, phá quang địa điểm để trình sát thâm nhập nắm rõ sự sinh hoạt của bọn ngụy trong quận mà tiêu diệt. Nói chung còn nhiều thứ nữa như được lệnh tổ chức học sinh mít-ting lên

án vụ pháo kích vào các trường Tiểu học ở Cai Lậy, Định Đường rồi còn cho mượn trường làm phòng bầu cử v.v... Tôi không cho thì ông cũng trưng dụng. Tôi có quyền gì đâu. Chẳng qua ông hỏi tôi qua công văn giấy tờ cho có lệ, đúng phép lịch sự. Quyền lực trong tay các ông cả. Thời nào cũng vậy thôi. Năm năm biệt giam. Mỗi ngày được ra sân tắm nắng năm mười phút. Lúc được về, soi gương mới giật mình thấy tóc đã bạc trắng như Ngũ Tử Tư. Nhìn tờ giấy “lệnh tha” mới giật mình với dòng chữ: “Lý do tù tội vì khai man lý lịch”. Thì thôi mừng đã. *Nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại.* Lý do gì cũng được, miễn là thấy mặt vợ con. Sai thằng con lớn cất cẩn thận mảnh giấy này vì nó là lá bùa hộ mệnh, là tờ khai sinh mới xác nhận tên Nguyễn Ba có mặt ở cõi đời này. Con tôi liếc qua rồi mỉm cười bảo: “Giá chế độ cũ cấp cho ba cái giấy này thì chắc ba đã không bao giờ bị tù cả. Vì sao má biết không? Vì con học thấy phần đông các bậc hoạt động cách mạng đều khai lý lịch lung tung cả...”. Nó so sánh, lý luận theo óc trẻ thơ mười lăm mười sáu tuổi của nó. Nó chẳng thấy xấu hổ gì về lý do ghi trên tờ giấy đó mà lại còn ra chiều hãnh diện. Nó không thấy được sự âm thầm nhục nhã của tôi sau này khi bước vào cuộc phỏng vấn của một nhân

viên phụ trách cho những người đủ điều kiện đi HO. Cái chương trình mà ai cũng hiểu là có những thỏa hiệp ngầm, nhất là xóa đi được một phần nào sự xấu hổ của lương tâm bọn đầu xỏ đã gieo rắc bao đau thương cho những con người mà chúng luôn rêu rao là đồng minh, một sống hai chết với chúng.

Nhân viên phỏng vấn nhìn ảnh, nhìn tôi:

- Ông là Nguyễn Ba.

- Vâng là Nguyễn Ba chứ không phải là Nguyễn Ba Sinh. Ông chột xác nhận lại theo quán tính sợ bị lầm lẫn tên như ngày ở trại cải tạo.

- Tôi rõ. Nhưng... người nhân viên vẫn úp hai bàn tay trên bộ hồ sơ của ông và trả lời lịch sự thông thả: “Nước Mỹ chúng tôi luôn mở rộng vòng tay đón nhận các gia đình có đủ điều kiện đi theo chương trình này. Song nước Mỹ chúng tôi cũng không bao giờ chấp nhận những con người gian dối... Vậy mong ông yên tâm làm ăn ở quê hương ông...”.

Tôi choáng váng một lúc mới lấy lại được bình tĩnh, sự nhục nhã giá chỉ có một mình mình biết thì nó đau một, nay lại bị một kẻ khác giống lên giọng đạo

đức nói rất nhẹ nhàng ấy mà sao tôi cảm thấy đau xót gấp trăm lần. Ba năm tôi dần nổi khốn khổ ấy trên các thồ khoai mì, khoai lang, cong lưng đập kiếm sống. Cái chữ nghĩa nó giết người ghê thế đấy các ông ạ. Suy cho cùng tôi không giận cái thằng phỏng vấn. Bởi nó là thằng có giáo dục, có đạo đức. Dân tộc mình cũng vậy. Nhưng những thằng chóp bu của nó cũng gian dối lừa lọc, tử tế, chân thật đêch gì. Bọn tư bản nó cần quái gì cái anh nhược tiểu cơ chứ.

- Nhưng sao khoảng đầu thập niên 90 tôi về nghe ông đã ở Mỹ rồi?

- Trong cái sui cũng có cái hên. Chẳng là thằng con tôi - cái thằng nó ca ngợi tôi ấy - vì lý lịch của tôi và con cái ông - nguy quân nguy quyền - cũng thế mà thôi - không được thi đại học. Thế là nó trở thành thằng kết bạn đủ thành phần. "Xã hội sống" dạy nó khôn ra và có thể lưu manh nữa. Nó theo bọn canh me, chỗ nào có thuyền vượt biên là bọn nó tìm cách trốn lên. Nghe đâu cũng đến chục lần nó mới thoát. Mà dạo đó người vượt biên chết trôi như cá trên biển bị ngộ độc dạt vào chỗ nọ chỗ kia. Không sáng nào là không có. Ba tháng dòng không tin tức

của con, vợ tôi cần cõi như con cá khô. Tối nào cũng thấp nhang ở bàn thờ Thiên khấn vái. Chín năm sau nó bảo lãnh vợ chồng tôi đi. Tôi lại bước chân xuống cái đất nước mà hơn mười năm trước người phỏng vấn bảo tôi “đất nước chúng tôi không chấp nhận những kẻ gian dối...” Các ông có thấy cùng một phạm trù đạo đức mà đã đầy mâu thuẫn không? Thành con tôi làm nghề chẻ bài ở một sông bạc lớn. Nó lừa thiên hạ có *ba tăng* tức là có *lai sơn* đằng hoàng. Tiền lương nó còn cao hơn một anh kỹ sư. Nó bảo tôi: “Ba cứ rong chơi đi cho bỏ bao nhiêu năm gian khổ. Ba có cần đi làm lại mấy cái răng gãy thì đi làm đi. Để gió nó lùa vào họng lại đau đấy...”. Một xã hội thực dụng đã đào tạo ra nó và cả một cái xã hội Mỹ thực dụng ấy là: Đem sức ra làm để hưởng thụ chứ không phải bo bo tích lũy để rồi có một ngày ra sông ra biển, trắng tay như bố mẹ mình.

- Có lẽ ông đã “thăm” nên dạo về chơi, ông đã cho tôi năm trăm... trong lúc tôi đang “rách”. Tôi biết tiền ấy chỉ là chút quà thôi, chứ cái tình của ông mới quý. Ông đã lặn lội hàng mấy trăm cây số đi kiếm tôi. Thử hỏi hôm ấy làm sao tôi không ôm lấy ông mà khóc.

Tôi đau quá ông ạ. Ngót mười năm trở về, tưởng gặp mặt vợ mặt con. Chung quy cũng tại kinh tế bấy giờ khó khăn quá vả lại cũng chẳng nên trách người vợ trẻ. Ngày tôi đi, vợ tôi mới ở tuổi hai bảy hai tám. Cái tuổi xuân đang độ chín làm sao tránh khỏi sự phù hoa của người có tiền bạc, chức quyền quyền rũ. Chỉ đau là nàng bị đánh ghen giữa thanh thiên bạch nhật trên phố xá bao người đứng xem như xem một màn múa võ bán thuốc lậu, tim la. Vợ tôi đã uống thuốc rầy để chôn đi có lẽ cái nhục thì ít mà ân hận vì sự phụ bạc chồng con thì nhiều. Giá hồi cây, cuốc, cắt cỏ ở Sơn La tôi được ông bạn tù cho một chén canh nấu nõn cây thiên tuế thì lúc trở về đâu có phải chịu đựng nỗi đau này.

- ?

Vâng thì cảnh bọn tôi dạo đó đã bảo nhau lấy “Thiên thu” làm chuẩn rồi. Dân bên ngoài đã đói thì dân trong tù còn khổ thế nào. Cho nên khi chiến lợi phẩm là cái nõn thiên tuế trắng mềm như mứt măng tre được thái mỏng như tờ trời ấn vào lon “gô” nấu cùng chút muối chút đường là đã thấy chờ đợi nôn nao. Chung quanh chủ nhân lon canh tưởng quý như nồi vi

cá ấy là mấy thằng bạn tù chí cốt. Thằng nào trên tay cũng cầm sẵn chiếc chén ăn cơm. Chúng tôi hít từng làn hơi thơm ngọt bốc ra từ cái miệng lon ấy. Nước miếng tứa ra. Rồi sáu chiếc chén được sắp theo hàng dọc đúng cấp bậc trên to dưới bé hoặc chiếu trên chiếu dưới như Tiên chỉ - Chánh tổng - Lý trưởng - Trương tuần... khi chia là chén trên nhiều chén dưới ít, càng dưới càng ít nữa... Cuối cùng chỉ khoảng mười phút sau thì tướng tá binh nhì binh nhất đều nằm sùi bọt mép cả. Khiêng lên bệnh viện trại thì trời cho tôi và một ông xếp *chén* trên tôi cách vài ly là sống sót... Cho đến bây giờ con cái bày đồ cúng lên, mặc dù nó nấu gà với xu hào hoặc củ cải gì đó nhưng cứ thấy cái củ gì trắng trắng thôi là tôi đã cảnh giác cao độ.

- Chẳng lẽ thế giới ma bọn mình lại còn có đám ma? Lại còn chết chóc nữa? Chẳng lẽ ngoài hai thế giới âm - dương lại còn có một thế giới nữa?

- Biết đâu đấy ông. Con người cõi dương chẳng đang vất vả đi tìm một thế giới ngoài thế giới họ đang sống là gì?

- Chắc họ sợ không có đất chôn. Bởi đất bây giờ hiếm lắm mà lại đắt như vàng. Đấy như đám ma của

tôi đấy. Nhờ thằng con tôi “chẻ bài” có tiền nên mới dám nhờ đám nhà đờn *Peek Family Funeral Home* ở *Bolsa Ave* lo liệu. Tính ra cũng hết hơn mười ngàn đô đấy ông ạ. Hôm tôi nằm trong hòm kính thấy ông và ông Phó Bắc Kỳ tới viếng. Các ông khóc, các ông lạy tôi, làm tôi cũng khóc theo. Tôi bá vai hai ông, thấy hai ông rùng mình. Hai ông không nghe được lời tôi vì ngôn ngữ người với ngôn ngữ ma cứ như thằng Tàu nói với thằng Tây. May quá bây giờ bọn mình đã là ma hết cả nên chẳng cần mấy ông đồng bà cốt đánh đồng thiệp gọi hồn.

- Tôi mừng quá vì thấy ông “kẻ bị coi là nhập nhằng, đen trắng trắng đen” lại sống và chết vinh quang trên đất Mỹ. Còn tôi, tôi phải viết di chúc lại cho thằng con lớn còn ở lại vì đạo tôi đi, cháu trên hai mốt tuổi không có tiêu chuẩn. Rằng: “Ba có chết thì nhớ đem ba về chôn ở quê nhà”. Bởi như ông biết đấy con cái mình ở bên này nó đã thâm nhập văn hóa bản địa. Nó có sự tự do chọn lựa tôn giáo của nó. Nên mấy đứa con trai con gái của tôi đưa thì Gia tô - đưa thì Cơ đốc. Đưa con gái út lại lấy một thằng theo Hồi giáo nữa ông ạ. Khi mình chết, nó quăng

hồn mình vào nhà thờ thế là xong. Cúng giỗ gì. Cả đời làm ma đói à. Ngót mười năm làm ma đói đã ớn. Chỉ duy nhất hơn hai tháng được chuyển về Trại Đầm Đùn ở Thanh để “vỗ béo” trước khi cho ra trại. Ông mới năm năm tâm trạng ra về đã hơn hở quên cả tờ giấy tha ghi cái gì. Còn bọn tôi, cỡ chục thằng hôm ấy thấy trời xanh và cao lắm ông ạ. Vài thằng chạy như ma đuổi; nhưng có thằng nó đứng quay mặt vào phía cổng rồi nó từ từ quỳ xuống, giơ tay lên vái lia vái lịa. Xong mới đứng lên bước theo bọn tù vừa được thả. Hành động ấy làm tôi lại nhớ tới ông Đại tướng “râu dê” sau thời đảo chánh sáu ba bị bọn đàn em đưa lên máy bay đuổi khỏi xứ. Chắc cũng ảnh hưởng của con mẹ phùng tuông nên quỳ xuống hôn đất mẹ. Ra điều yêu quê hương lắm. Từ đó đến nay có thấy mặt mũi nó đâu!

- Nói chung đều là bọn phùng tuông, tướng tá Quảng lạc cả cho nên bọn mình mới chết. tan nát cả gia đình, xã hội, mới tha phương cầu thực thế này! Thôi thì đã hơn ba mươi năm. Giờ nghĩ lại coi như truyện cổ tích ly kỳ có tình yêu, có chết chóc. Cuối cùng các nhân vật gian ngay đều chết hết. Cái năm

Kỷ Sửu ấy cũng là năm tuổi của tôi. Tôi bị ung thư xương đau từ tủy đau ra. Người lúc nào cũng như bị lầy chầy đá dần da thịt. Mấy đứa con ở với tôi nó vội gọi về cho thằng con lớn ở quê nhà sang lo liệu hậu sự cho tôi. Hôm tôi còn tương đối tỉnh táo, nó bảo tôi: “Con sẽ làm theo lời ba dặn là sẽ đưa về quê nhà khi ba mất, song hiện nay có ba loại nghĩa trang...

Tôi nghe có mấy loại, sợ nó phung phí tiền bạc cho tôi nằm ở chỗ cao sang định dặn nó lo cho chỗ hạng nhì thôi, thì nó đã nói tiếp: loại thứ nhất là nghĩa trang liệt sĩ, loại thứ hai là nghĩa trang của các bậc có chức có quyền. Hai loại này là nằm vĩnh viễn không bị đào lên bởi xuống. Còn loại thứ ba là cho quần chúng nhân dân. Thượng vàng hạ cám đều có quyền được mua *nhà tạm nghỉ* cả. Song lúc nào chính quyền cần là giải tỏa thì “vô gia cư vô địa táng” hết. Chỉ có nước vào chùa hay nhà thờ... Con sợ nhất là việc đào mồ cuốc mả ảnh hưởng tới con cháu sau này mà người mình kiêng kỵ. Tôi bảo nó: “Vậy thì thiêu ba rồi đem nhúm tro tàn về để bên cốt má con cho má bớt tủi”. Hình như người ta khi sắp chết thường rộng lượng, chẳng có gì để suy nghĩ thù hằn nhau nữa. Vả chẳng đàn bà bao giờ cũng nhẹ

dạ. Chính bọn đàn ông mới là bọn lưu manh đều cảng.

Hôm tôi sắp thở hắt ra để từ biệt cõi đời thì thằng con lớn ghé vào tai tôi thì thào - nước mắt nó chảy cả trên má tôi rằng: “Ba ơi! Ba tên Ngụy Văn Tổ, nay ba có tên *thụy* là Ngụy Văn Tường, để con khẩn chén cơm ngày giỗ ba, nghe ba. A! Tổ với Tường nó chẻ hai từ này trong một từ ghép cho dễ nhớ. Tôi thoát hồn đi và mỉm cười, không hiểu thằng con tôi nó đã lấy tục lệ này ở đâu ra? Chắc hẳn nó đã đọc “Việt Nam phong tục” của cụ Phan Kế Bính hay “Nếp cũ, Tín ngưỡng Việt Nam” của cụ Toan Ánh. Ấy nhờ cái tên *hèm* mà hôm nay con cháu quê nhà cúng cơm nên chẳng có “quý ma” nào theo về ăn ké. Tôi chỉ mời có hai ông, để bọn mình ôn lại quãng ngày cùng sống với nhau ở cái Thị trấn ba năm trời đằng đẵng mà sáng ra mới biết bọn mình còn sống. Giờ đây, thế giới ma của chúng mình không có nơi nào tự do như thế. Đi mây về gió chỉ cần qua một tín hiệu riêng của loài ma là đã gặp nhau. Nào các ông nâng ly để quê hương lên “bottle up” nhé! Còn cụ “Phó Bắc Kỳ” xin cụ kể nốt quãng ngày “trèo me hái sấu” của cụ đi. Riêng bọn tôi coi như đã trả nợ xong một đời làm người rồi.

Một đời làm người, nghe như một cơn lốc cuốn hút bóc toang thân phận con người trong một thế giới hữu hạn. Vâng tôi đây - Phó Bắc Kỳ rau muống đây - cái sức danh thân yêu ấy, tôi còn nghe thấy các ông gọi cho nhau. Nào nó đã về, nào nó đã đi. Nào nó đã *ngoẻo* rồi. Bây giờ ngòi đây ngửi mùi hương khói gọi hồn, nhìn mớ vàng mã vừa hóa thành tro bụi lại thêm chén chú chén anh hội ngộ mới biết mình cũng đã ra ma. Chẳng bao lâu, chệnh choáng men say, tôi đang là ma lại tưởng sống lại làm người khác gì Trang Chu mơ mình hóa bướm!

Phải thú thực rằng gần ba năm trời trôi giạt, vẫn hóa ngày ra đi lớp bốn ngày về vẫn là lớp bốn. Những ngày lang thang câu cá, bắn chim ở làng Bối Cầu ấy đã in sâu trong tâm trí non nớt của tôi một sự hãi hùng ghê gớm là ngày người ta xử tử việt gian và đối nghịch với sự việc trên là sự mê mông sung sướng chạy khắp thịt da mặc dù tuổi tôi lúc ấy mới mười ba... có lẽ tôi lớn trước tuổi chăng? Vì tục ngữ đã chỉ rằng “gái thập tam, nam thập lục” cơ mà. Đấy là cái tuổi biết yêu đương, biết làm tình. Lấy nhau sẽ sinh con đẻ cái. Đạo đó thì tôi chưa biết yêu

là gì. Nhưng ám ảnh thèm khát. Mà cũng chẳng phải tại tôi. Sự việc ấy bắt đầu từ một buổi trưa tôi đang ngồi vót nan tre làm cái lồng bẫy chim khuyên thì anh cu Thịnh con bác Thám hơn tôi ba tuổi sà xuống thì thầm bảo: “Này Quang, mày có muốn đi xem xi-cờ-la-ma không?” Rồi anh nháy mắt, kéo tay tôi đứng dậy, chẳng cần tôi có đồng ý hay không. Chúng tôi vòng ra phía vườn sau nhà trồng sắn tàu rậm rạp. Đi mãi gần cuối sát với bờ rào tre, Thịnh bảo tôi bò xuống như du kích tập bò. Tới một luống sắn đắp cao, Thịnh như một cấp chỉ huy giơ tay ra lệnh ngừng rồi chỉ về phía trước. Chúng tôi rẽ lá sắn nhìn, thì trời ơi chỉ cách tôi có một luống, dưới khoảng đất thấp chia luống sắn nọ với luống sắn kia, cái Trinh con cụ Chánh đang trần truồng nằm dưới cánh tay anh đã cầm gươm Nhật chém đứt đầu Việt gian ở đình làng. Anh Thịnh nắm tay tôi, tôi quay lại thấy mặt anh ngáy ra, đôi mắt như dại như khờ. Lúc đầu tôi còn thấy lạ; nhưng những động tác của *anh chém Việt gian* lúc chậm lúc nhanh lại thêm cánh tay trắng ngần của con Trinh bầu vú lấy lưng anh kia thế là người tôi mềm nhũn. Mặt tôi cũng nóng bừng. Khi hai thân hình trần truồng kia nằm bất động thì anh

cu Thịnh nắm tay tôi bò giật lùi trở về nhà. Lũy tre xanh vẫn xào xạc trong cơn gió nhẹ buổi trưa.

Chỉ đến ngày anh Công an chém đầu Việt gian biến mất và người ta đồn nhau là cái Trinh nhà cụ Chánh chữa hoang thì tôi và anh cu Thịnh mới không được xem phim “Xi cờ la ma sống” ấy nữa. Đó cũng là thời gian bố mẹ tôi “dinh tề” và cũng là căn bệnh quái ác mộng tinh di tinh gắn chặt vào số mệnh tôi. Mới lớp đệ thất, đệ lục mà tôi đã yêu lung tung để cứ đêm về là lại khổ cái quần đùi mỗi buổi sáng. Tất nhiên là da dẻ tôi xanh lè rồi. Mẹ tôi thương tôi lắm. Người cho rằng tôi mãi lo việc học hành nên mới ra nông nỗi đó. Nên ngày nào mẹ cũng thái một miếng cao ban long cho tôi ăn. Chỉ đến khi bố tôi dẫn đến ông bác sĩ Hùng là bạn của bố thì căn bệnh của tôi mới được khám phá ra. Ông cười nói với bố tôi một tràng tiếng Pháp rồi kê toa cho bố tôi về mua thuốc. Mấy tháng sau tôi mới tạm ổn. Nhưng cũng lại là thời gian miền Bắc nhào nháo di cư. Căn nhà đường Phủ Doãn của bố mẹ tôi chật ních các cậu, các dì tôi từ Thành Nam chạy lên, từ Sơn Tây đổ xuống. Mặt ai cũng ngơ ngác. Áo quần trong tay rách, đồ đạc bỏ va ly đều chuẩn bị

cho một cuộc ra đi không biết có ngày về. Trên đường phố, người ta bày la liệt các đồ vật dụng trong gia đình ra bán. Nào hoành phi, câu đối, tủ chè, sa lông, trường kỷ khảm xà cừ bày chật cả lối đi. Lính Tây, lính ta, người thị thành, người làng quê lố nhố chen nhau, tưởng các con đường phải nứt ra, sứt xuống. Người lớn thì thế, còn tôi, tôi cũng vội chạy đến An - người yêu trong mộng - học cùng lớp đệ lục với tôi. Thấy mặt tôi thập thò trước cửa, An chạy ra bảo:

- Cậu tới...

- À, mình hỏi An và gia đình có vào Nam không?

- Không, bố mẹ tớ bảo không đi di cư. Cả nhà ở lại vì nước nhà độc lập rồi. Và nhất là chờ anh tớ trên chiến khu sắp về. Anh tớ rời thủ đô từ năm bốn bảy, bố mẹ tớ...

- Thế cậu nhất định bỏ tớ à? Mai tớ đi vào Nam với gia đình rồi.

An nắm tay tôi, giọng bùi ngùi:

- Thế thì tớ chúc cậu lên đường bình an nhé. Người ta nói chỉ hai năm nữa là thống nhất. Mình hy vọng lại gặp cậu.

Tôi buông tay An, quay đi vì tôi không muốn An thấy tôi đã khóc.

Sau này nghĩ lại tôi thấy những giọt nước mắt ấy quả thật là những giọt sương mai yêu quý nhất đời. Tất cả các mối tình ở tuổi lớn khôn về sau của tôi đều là cục nước đá tan dần. Nước tan tình cũng hết. Nói thế không phải là tôi không yêu Vân, người vợ mà mẹ tôi đã đi cưới hỏi cho tôi sau khi tôi đi làm được hai năm. Vân thùy mị, nét na lại kiếm nhiều tiền hơn tôi vì nàng làm cho cơ quan Usaid của Mỹ. Nàng sống rất hiếu thảo với mẹ chồng, hòa thuận cùng các em tôi. Nhưng đôi lúc trong tâm hồn tôi, hình ảnh của An thuở mười lăm mười sáu lại hiện về như một màn sương phủ ngăn cách tình vợ chồng của tôi và Vân. Ba năm lấy nhau. Vân mong mỗi có đứa con để bồng để bế. Mẹ tôi mong có một đứa cháu để hú hí lúc tuổi già. Nhưng chỉ là chờ là đợi. Mà thủ phạm lại chính là tôi, kẻ đã suốt đời bị căn bệnh quái quỷ từ ngày được anh cu Thịnh lén lút dẫn đi xem cái Trinh con nhà cụ Chánh ở Bối Cầu trần truồng, trắng toát dưới bóng lá xanh râm mát của rặng sắn tàu...

Thế rồi, buổi chia tay An chiều hôm trước tuy nước mắt có cay cay. Song buổi chia ly ở sân bay Gia Lâm tôi và các em tôi đã khóc như mưa. Tôi không nắm tay bố tôi mà chỉ đứng nhìn. Đứng nhìn thôi mà sao nước mắt cứ ứa ra. Bây giờ tôi mới cảm thấy tôi thương bố tôi. Tôi có linh cảm rằng tôi sẽ không bao giờ thấy bố tôi nữa. Tôi khóc vì nhớ bố chứ chẳng phải vì nhớ quê cha đất tổ quái gì. Nỗi đau chập xuống gia đình tôi lúc ấy là cảnh chia ly đầy tiếng nấc bởi bố tôi bảo rằng sẽ đi vào sau cùng nhân viên sở Bưu điện của bố. Nhưng chỉ bốn tháng sau, mẹ tôi cắn răng nén cơn đau biết rõ sự phản bội của bố tôi qua lá thư ông nhờ người em ruột đem vào. Đó là những lời thú tội của ông với mẹ tôi *rằng xin mẹ tôi thông cảm, tha thứ cho ông vì đã bỏ mẹ tôi một nách ba đứa con thơ nơi xa lạ* *Rằng ông đã lừa dối mẹ tôi, ăn nằm cùng một cô nhân viên cùng sở nay đã có hai mặt con* *Rằng cái tình yêu mà bố tôi bắt gặp sau này mới là tình yêu đích thực. Tuy thế ông không bao giờ quên tình nghĩa vợ chồng môn đăng hộ đối mà ông bà tôi đã sắp đặt cho ông. Rằng...*

Mười năm trời, mẹ tôi thả bè rau muống ở ven kinh Nhiêu Lộc nơi xóm Chùa làm kế sinh nhai. Ngày nắng,

ngày mưa, từ sáng sớm đến xế trưa, đôi bàn chân mẹ tôi chắc đã bào mòn bao nhiêu con phố vùng Tân Định. Gánh rau muống ấy nhọc nhằn khôn khổ nuôi ba anh em tôi. Nó chẳng phải là cái “gánh hàng hoa” thơ mộng lãng mạn như tiểu thuyết của Nhất Linh đâu. Đôi gánh rau muống của mẹ tôi là một cuốn sách viết về những người mẹ tìm thấy hạnh phúc, niềm vui của mình trong sự trưởng thành của những đứa con có bố mà bỗng dưng lại bị mồ côi... là một bức tranh mà không anh họa sĩ nào có thể vẽ được cùng khuôn mặt trên khung vải với mớ tóc xanh đen mượt như nhung bỗng hóa thành lấm tấm hoa râm! Anh vẽ tranh lập thể ư? Phá cách ư? Tôi nghĩ cũng chỉ là ảo tưởng. Chẳng ai có thể vẽ được chân dung thể hiện được người mẹ yêu quý của tôi và hai đứa em gái tôi.

Mười năm qua đi, tôi đi làm. Mẹ cưới cô Vân xinh đẹp làm sỏ Mỹ cho tôi. Các em tôi đều lấy thằng ở Đà Lạt, thằng ở Thủ Đức ra, thành các “bà quan hai, quan ba cả”. Mười một năm nữa trôi đi. Tôi đi tù trên quê cha sinh mẹ đẻ. Đây là nói cho văn vẻ để phân biệt hai miền ranh giới. Họ bày trò chơi giết bao thế

hệ chúng tôi. Rồi bảo xóa hận thù; nhưng bọn *ma đồng đội*, đồng nghiệp của bọn tôi vẫn là *ma đói*, ngòi ven bờ các nghĩa trang hoành tráng uy nghi. Chết còn chưa xóa hận thù được thì việc người sống nói có ma nào tin. Thế rồi hai mươi lăm năm vợ tôi đi Mỹ theo diện người làm cơ quan cho Mỹ. Mẹ tôi về ở với đứa con gái út cũng đang cảnh “chinh phụ” chờ chồng. Nhờ chút quà của cô con dâu gửi về, mẹ tôi lặn lội đi tiếp tế cho tôi rồi lén lút về quê của người. Lúc đó mẹ mới biết là bố đã bị người ở làng lên tận thành phố bắt về đem đấu tố chết rồi. Chỉ vồn vẹn sau hai năm chia tay cùng mẹ con tôi, bố đã ra người thiên cổ. Còn bà hai và mấy em tôi chẳng biết trôi giạt về đâu. Mẹ tôi có về quê nội mua vàng mã đốt cho bố tôi cầu xin ông phù hộ cho tôi sớm trở về. Chẳng biết bố tôi có linh hay không mà mãi sáu năm sau tôi mới “giã từ quê hương ruột thịt” để về cùng mẹ tôi nơi ngôi nhà cấp bốn hẻm Phan Đình Phùng xé chợ Bàn Cờ. Mẹ tôi không còn gánh rau muống của hai mươi năm trước lang thang len lỏi ngõ này hẻm nọ vùng Tân Định để nuôi tôi những ngày trẻ dại. Nhưng mẹ lại có hũ cà muối, hũ dưa chua, và chiếc vại mắm tôm bày ra trước cửa nhà trên lối đi vào chợ. Mẹ lại có cơm cà,

mắm mẶn nuôi tôi. Nuôi một thằng con đang làm chân bốc vác bến xe đò chạy miền Đông mà tiền kiếm được ngày có ngày không.

Một ngày giáp Tết năm chín mươi, tôi đang ngồi bán thế mẹ tôi thì người đưa thư quen thuộc dừng xe đạp lại, giơ lá thư ra mỉm cười bảo tôi: “Bác lại có thư nước ngoài”. Tôi cảm ơn, chẳng cần nhìn cũng biết đó là thư của Vân. Phải thú thật rằng từ ngày về, lòng thương nhớ Vân, mong ngóng ngày đoàn tụ cùng nàng đã xóa hết hình ảnh cái cô An tóc thề bé bỏng ngày xưa. Sự thương nhớ ray rứt ấy là tình nghĩa vợ chồng mười mấy năm đã hiện ra lừng lững trong nỗi cô quạnh của tuổi đời bóng xế đang chập chờn chờ đợi. Nhưng khi đọc xong lá thư này, tôi không cảm thấy lòng ấm áp, gấp lại nhẹ nhàng cho vào bao như mọi lần. Tôi nắm chặt hai tờ giấy mỏng manh sợ bay đi những dòng chữ tôi không tin là có thật. *Rằng trong năm năm xa cách, em đã giấu mẹ, giấu anh là em đã kết hôn cùng Jack làm cùng hãng... Rằng hiện nay bọn em đã có hai con nhưng em vẫn chưa làm hôn thú... Rằng khi anh đi theo diện HO sang, vợ chồng ta lại có thể đoàn tụ v.v...*

Tin ấy, lá thư ấy mẹ tôi không bao giờ biết. Tôi chẳng muốn mẹ chồng chất thêm bao nhiêu đau khổ vì chồng vì con nữa. Mẹ tôi đã đem theo hình ảnh đứa con dâu hiền hậu đi cùng người một năm sau đó. Rõ thật là cái vòng luẩn quẩn. Bố tôi phụ bạc mẹ tôi đến bây giờ tôi lại bị người phụ bạc. Mỗi người trong chúng ta đều bị xô vào một hoàn cảnh mà muốn cưỡng lại cũng bị dòng đời cuốn hút.

Hai năm sau, tôi làm giấy tặng nhà. Uống một bữa tiệc “tiễn đưa” bằng rượu cây Lý cùng đồng nghiệp “Sở bốc vác” say bí tỉ. Rồi xách chiếc bị vải lên đường. Vợ chồng Vân và hai đứa con lai Mỹ Việt ra đón tôi ở phi trường. Họ ôm hôn tôi và đưa tôi về gia đình Sponsor của tôi, cách thành phố nàng ở khoảng ba trăm cây số. Chúng tôi chia tay nhau trong tình xưa còn lại. Có nỗi buồn và cả sự ngậm ngùi nhưng thời gian đã dần dần xóa mờ tất cả. Hôm nay thì âm dương cách trở thật rồi. Ngày tôi chết, Vân và chồng nàng cũng tới thấp cho tôi nén nhang. Nàng khóc, Thế là tôi hiểu tình nghĩa vợ chồng vẫn khắc sâu trong tâm khảm nàng cũng như ngày xưa bên hạnh phúc của

nàng, tôi vẫn còn vợ vẫn nhớ tới mối tình thuở học trò với nàng An ở lại.

Đấy cuộc đời tôi, thân phận tôi, thân phận các ông, thân phận làm người của chúng ta đã sung sướng trút lại bao đau thương mất mát để bình yên sống một kiếp làm *ma*. Nhưng suy ra hai ông còn sung sướng vì ngày giỗ, ngày Tết các ông còn có chỗ đi về hưởng chút khói hương. Còn tôi đây, tôi có khác gì con ma Đạm Tiên của cụ Nguyễn Du.

“Trải bao thỏ lặn ác tà

Ấy mồ vô chủ ai mà viếng thăm ”.